TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **44**/TB-HVTTNVN

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; căn cứ Quyết định số 179/QĐ-BGDĐT ngày 22/01/2019 về việc cho phép Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước; Quyết định số 654/QĐ-BGDĐT ngày 05/02/2021 về việc cho phép Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Công tác xã hội của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quyết định số 267/QĐ-HVTTNVN ngày 10/4/2025 về việc ban hành Đề án tuyển sinh trình độ thạc sĩ, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2025 như sau:

1. Thời gian đào tạo: 24 tháng

2. Ngành và chỉ tiêu đào tạo

STT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Hình thức
01	Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước	**8310202**	39	Chính quy
02	Công tác Xã hội	**8760101**	17	

3. Hình thức tuyển sinh:

Học viện tuyển sinh theo hình thức xét tuyển, người dự tuyển phải thỏa mãn các điều kiện về văn bằng và ngoại ngữ như sau:

3.1. Về văn bằng

Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện:

- Bằng đại học ngành đúng và ngành phù hợp với ngành đăng ký tuyển sinh.

- Bằng đại học ngành gần hoặc ngành khác với ngành đăng ký dự tuyển phải hoàn thành chương trình học bổ sung kiến thức do Học viện quy định trước khi xét tuyển (Danh mục ngành phù hợp và những môn học bổ sung kiến thức xem trong **Phụ lục 02,03**).

* Bằng tốt nghiệp đại học phải xếp loại khá trở lên. Nếu tốt nghiệp đại học xếp loại Trung bình hoặc Trung bình khá, thí sinh phải có công bố khoa học (bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành hoặc hội thảo quốc gia, quốc tế) liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu.

3.2. Về ngoại ngữ:

- Miễn thi môn Ngoại ngữ đối với thí sinh thuộc một trong các trường hợp sau:

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ tiếng Anh; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ tiếng Anh;

+ Có bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do chính cơ sở đào tạo cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ bậc 3 trở lên khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

+ Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trong thời hạn 02 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, do các đơn vị cấp chứng chỉ được quy định dưới đây:

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT*	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179

* Đối với chứng chỉ TOEFL iBT kể từ ngày 01/01/2025, Học viện không chấp nhận chứng chỉ TOEFL iBT Home Edition trong việc xét chuẩn đầu vào và đầu ra ngoại ngữ bậc thạc sĩ tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (Quyết định số 889/ QĐ-HVTTNVN ngày 27/11/2024)

- Thí sinh không thuộc diện miễn thi môn Ngoại ngữ phải tham dự kỳ kiểm tra trình độ ngoại ngữ môn Tiếng Anh. Đề thi môn Tiếng Anh theo dạng thức đề B1 khung Châu Âu áp dụng cho đào tạo trình độ thạc sĩ do Học viện tổ chức.

4. Đối tượng và chính sách ưu tiên

a. Đối tượng ưu tiên:

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

- Con liệt sĩ;

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định như trên.

- Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa hoc, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

Lưu ý: Các giấy tờ xác nhận đối tượng ưu tiên, chứng chỉ Ngoại ngữ để xét miễn thi phải **nộp cùng với hồ sơ đăng ký dự thi và trong thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi**.

b. Chính sách ưu tiên:

Người dự tuyển thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại mục "Đối tượng ưu tiên", (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng tối đa 10 điểm vào kết quả xét tuyển (Thang điểm 100) theo quy định xét tuyển.

5. Hồ sơ dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ gồm:

a) Phiếu đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ *(theo mẫu)*.

b) Công văn cử đi thi của cơ quan quản lý (nếu có).

c) Sơ yếu lý lịch tự thuật (có xác nhận của địa phương) hoặc lý lịch cán bộ (có xác nhận của cơ quan).

d) Bản sao công chứng bằng đại học và bảng điểm (Bằng tốt nghiệp đại học và bảng điểm do nước ngoài cấp phải có bản dịch sang tiếng việt kèm theo, được công chứng và phải nộp kèm theo văn bản công nhận của Cục quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thông tin về đăng ký công nhận văn bằng do nước ngoài do nước ngoài cấp xem tại https://naric.edu.vn, mục Công nhận văn bằng nước ngoài).

e) Bản sao công chứng các giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có*)

g) 01 giấy chứng nhận sức khoẻ của bệnh viện có thẩm quyền.

h) 02 ảnh 3 x 4 cho vào phong bì ghi rõ họ tên.

i) 02 phong bì ghi rõ họ tên, địa chỉ liên hệ của thí sinh (*địa chỉ trên phong bì thư phải ghi rõ ràng, đầy đủ thông tin người nhận chuyển theo đường bưu điện và số điện thoại bàn và di động để liên hệ*).

6. Thời gian, địa điểm phát hành và nhận hồ sơ

- *Thời gian phát hành và nhận hồ sơ:* Từ **15/6/2025 đến 15/7/2025**.

Hồ sơ theo mẫu của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, hồ sơ dự tuyển đã nộp không trả lại.

- *Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ:*

Phòng Đào tạo và Hợp tác quốc tế, P210 nhà D Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Số 3, phố Chùa Láng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: cô Phạm Thanh Hằng: 0904373834; cô Nguyễn Kiều Trang: 0962889391 (Liên hệ trong giờ hành chính).

Nhóm Zalo hỗ trợ thí sinh: https://zalo.me/g/cdbeaf873

7. Học bổ sung kiến thức, ôn tập và thi tuyển sinh

Sau thời gian nhận hồ sơ, Học viện sẽ thông báo lịch học bổ sung kiến thức, ôn tập và thi Tiếng anh đầu vào thạc sĩ năm 2025 trên cổng thông tin điện tử của Học viện.

8. Lệ phí tuyển sinh

8.1. Các khoản lệ phí

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/thí sinh.

- Đối với thí sinh không được miễn thi tiếng Anh:

+ *Lệ phí thi tiếng Anh*: 500.000 đồng/thí sinh.

+ *Lệ phí ôn thi tiếng Anh*: 1.750.000đ/ thí sinh.

- Đối với thí sinh học bổ sung kiến thức:

+ *Lệ phí học bổ sung kiến thức*: 1.000.000đ/môn

8.2. Phương thức

- Tiền mặt: Nộp trực tiếp tại phòng Kế hoạch- Tài vụ tầng 2 nhà Hiệu bộ.

- Chuyển khoản: tài khoản Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam số tài khoản: **119000004133**, Vietinbank, nội dung: Họ tên + lớp ThS ngành.... + lệ phí tuyển sinh, ôn, thi tiếng Anh, học bổ sung.

Học viên nộp các khoản phí về đến hết ngày **15/7/2025**. Sau thời gian trên, học viên nộp không đủ các khoản phí sẽ không đủ điều kiện để xét tuyển.

Thông tin chi tiết về tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ được cập nhật trên Website: www.vya.edu.vn của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam./.

Nơi nhận:
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

Trần Thị Tuyết Nhung

TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

KỲ THI TUYỂN SINH, THÁNG: .....NĂM .....

Họ và tên (chữ in hoa) . . . . . **Giới tính**: Nam ☐ Nữ ☐

Ngày sinh:...../...../..... **Nơi sinh** (tỉnh mới):. . . . . Dân tộc.....

CCCD:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Nơi ở hiện nay: .....

Đối tượng dự thi: Cơ quan cử đi dự thi ☐ Thí sinh tự do ☐

Đơn vị hiện đang công tác: .....

Vị trí công tác: .....

Số năm công tác (số năm công tác trong lĩnh vực, ngành ĐKDT): .....

Điện thoại:.....Email:.....

Địa chỉ liên lạc khi cần:.....

1. **Thông tin văn bằng đại học**:

- Trường tốt nghiệp (TN): . . . . . Thời gian TNĐH:...../...../.....
- Hệ đào tạo *(Chính quy, VLVH, từ xa,....)*:. . . . .
- Ngành tốt nghiệp:.....Năm tốt nghiệp:.....Xếp loại tốt nghiệp:
- Điểm TBC:.....Điểm khóa luận (nếu có): .....

2. **Chương trình bổ sung** (nếu có): . . . .

Đã hoàn thành ☐ Thời gian hoàn thành: .....

Đăng ký học bổ sung kiến thức ☐

3. **Đối tượng ưu tiên**:

- Con liệt sĩ ☐
- Con đẻ của người bị nhiễm chất độc màu da cam ☐
- Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh ☐
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động ☐
- Dân tộc thiểu số hiện đang sinh sống ở KVI ☐
- Đang công tác liên tục được 2 năm trở lên tại KVI ☐

4. **Chuyên ngành đăng ký dự tuyển**: . . . . . .

***Người thuộc diện miễn ngoại ngữ thì ghi đầy đủ thông tin sau:**

Văn bằng, chứng chỉ tiếng (Tiếng Anh). . . . . Trình độ (ĐH, B1,...):. . . . . .

Ngày cấp:. . . . . Nơi cấp:. . . . . .

5. Thông tin về các giải thưởng khoa học và bài báo công bố của thí sinh (nếu có)

TT	Nội dung	Ghi chú (ghi giải đạt; tạp chí công bố)
1		
2		

6. **Địa chỉ liện hệ với thí sinh**: . . . . . .

Điện thoại (*bắt buộc phải ghi*): NR: . . . . . Di động . . . . . .

Ngày tháng năm 20

Chữ ký của thí sinh

PHỤ LỤC 01

THANG ĐIỂM PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

TT	Nội dung, yêu cầu	Thang điểm	Tổng điểm tối đa	Ghi chú
1	Ngành đào tạo Ngành đúng Ngành khác	 30 điểm 20 điểm	30	
2	Tốt nghiệp đại học Bằng Xuất sắc Bằng Giỏi Bằng Khá Bằng Trung bình Khá Bằng Trung bình	 40 điểm 35 điểm 30 điểm 25 điểm 20 điểm	40	
3	**Bài báo/Giải thưởng khoa học (nếu có)** Đạt giải Nhất, Nhì, Ba sinh viên NCKH cấp Bộ	10 điểm	10	
	Đạt giải Nhất, Nhì, Ba các kỳ thi Olymlic sinh viên toàn quốc			
	Có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu			
4	Thâm niên công tác 5 năm trở lên: 2- dưới 5 năm:	 20 điểm 10 điểm	20	
	Tổng		**100**	

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH MÔN HỌC BỔ SUNG
Ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước

STT	Ngành đào tạo	Môn học chuyển đổi
1	Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước, Xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam, Chính trị học.	Không phải học
2	- Lịch sử Đảng, Công tác tư tưởng, Quản lý công, Hành chính học, Quản lý nhà nước, Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, giáo dục chính trị, Công tác xã hội. - Các ngành thuộc nhóm ngành Khoa học chính trị, pháp luật tại Danh mục giáo dục đào tạo Việt nam cấp III theo quy định của Bộ GD&ĐT.	1. Học thuyết Mác Lênin, tư tưởng HCM về Đảng và xây dựng Đảng 2. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức 3. Quản lý hành chính nhà nước
3	- Các ngành không có tên trong danh mục ngành gần.	1. Luật hiến pháp 2. Học thuyết Mác Lênin, tư tưởng HCM về Đảng và xây dựng Đảng 3. Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức 4. Quản lý hành chính nhà nước 5. Tổ chức và điều hành công sở.

PHỤ LỤC 03
DANH SÁCH MÔN HỌC BỔ SUNG
Ngành Công tác Xã hội

STT	Ngành đào tạo	Môn học chuyển đổi
1	Công tác xã hội	Không
2	Xã hội học, Tâm lý học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục học, Quản lý xã hội, Giáo dục công dân	1. Nhập môn CTXH (2) 2. CTXH cá nhân và nhóm (3) 3. Phát triển cộng đồng (2) 4. Công tác xã hội với trẻ em (2)
3	Khoa học giáo dục (71401): Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Giáo dục mầm non, Giáo dục tiểu học, Giáo dục đặc biệt, Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị, Giáo dục quốc phòng-an ninh, Giáo dục thể chất, Sư phạm các ngành: Toán học, Vật lý, Ngữ văn, Nhân văn (722): Tiếng Việt và văn hóa Tiếng Việt, Ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam, Việt Nam học, Ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài (Anh, Nga, Pháp, Trung), Triết học, Lịch sử, Ngôn ngữ học, Văn học, Văn hóa học, Quản lý văn hóa,.. Khoa học xã hội và hành vi (731): Kinh tế học, Kinh tế quốc tế, Chính trị học, Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Quản lý Nhà nước, Nhân học, Tâm lý học giáo dục, Địa lý học. Báo chí và thông tin (732): Báo chí, Truyền thông đa phương tiện, Quan hệ công chúng, Truyền thông quốc tế, Khoa học thư viện, Thông tin học, Lưu trữ học, Xuất bản, Kinh doanh xuất bản phẩm Kinh doanh và quản lý (734): Quản trị kinh doanh, Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, Quản trị khách sạn, Kinh doanh thương mại, Kinh doanh quốc tế, Tài chính-ngân hàng, Bảo hiểm, Kế toán, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực, Quản trị văn phòng. Pháp luật (738): Luật, Luật Kinh tế, Luật quốc tế Sức khỏe (772): Y học, Y tế công cộng, Dược học, Điều dưỡng, Quản lý bệnh viện An ninh - Quốc phòng (786): Quản lý nhà nước về an ninh trật tự; Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân. Hành chính học...	1. Nhập môn CTXH (2) 2. CTXH cá nhân và nhóm (3) 3. Phát triển cộng đồng (2) 4. Công tác xã hội với trẻ em (2) 5. An sinh xã hội (2)